

GIẢI THÍCH, HƯỚNG DẪN CÁCH GHI PHIẾU ĐIỀU TRA CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP, HIỆP HỘI

I. ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

Mỗi đơn vị sự nghiệp chỉ thực hiện 01 trong 06 loại phiếu.

1. Phiếu 3Y/TĐTKT-YT

Đối tượng thực hiện phiếu này là các cơ sở hoạt động y tế công lập (do Nhà nước thành lập, kinh phí hoạt động do Ngân sách Nhà nước cấp là chủ yếu) và ngoài công lập (do tư nhân thành lập, tự lo vốn và kinh phí hoạt động, lấy thu bù chi và không hoạt động theo Luật Doanh nghiệp) loại trừ các cơ sở hoạt động chăm sóc, điều dưỡng tập trung và không tập trung (cơ sở này được điều tra theo phiếu 3S/TĐTKT-SN)

Đối với các trạm y tế xã, phường; thu/chi từ nguồn Ngân sách nhà nước do Trung tâm y tế quận/huyện quản lý, trạm y tế xã, phường không nắm được đầy đủ các thông tin về thu/chi của đơn vị mình, do đó thông tin về thu/chi của các trạm y tế xã, phường do Trung tâm y tế quận/huyện thực hiện, trong đó tách riêng phần thu/chi của từng trạm, y tế xã, phường thuộc quận/huyện.

Lưu ý: Các đơn vị là cơ sở cá thể hoạt động sự nghiệp (như phòng khám tư nhân...) không áp dụng phiếu này mà thực hiện phiếu điều tra áp dụng cho các cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể.

2. Phiếu 3G/TĐTKT-GD

Đối tượng áp dụng là các cơ sở giáo dục đào tạo công lập (do Nhà nước thành lập, kinh phí hoạt động do Ngân sách Nhà nước cấp là chủ yếu) và ngoài công lập (do tư nhân thành lập, tự lo vốn và kinh phí hoạt động, lấy thu bù chi và không hoạt động theo Luật Doanh nghiệp), loại trừ các lớp học đóng riêng lẻ thuộc các trường mầm non hoặc các điểm trường trung học cơ sở tại địa bàn các phường hoặc thôn/bản khác nhau, có địa điểm cố định, có sự quản lý của các thầy, cô giáo; các lớp học này diễn ra thường xuyên nhưng trường hợp này không được xác định là một đơn vị điều tra.

Lưu ý: Các đơn vị là cơ sở cá thể có hoạt động sự nghiệp (như lớp mẫu giáo/nhà trẻ tư thục...) không áp dụng phiếu này mà thực hiện phiếu điều tra áp dụng cho các cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể.

3. Phiếu 3V/TĐTKT-VH

Đối tượng áp dụng là các cơ sở sự nghiệp công lập (do Nhà nước thành lập, kinh phí hoạt động do Ngân sách Nhà nước cấp là chủ yếu) và ngoài công lập (do tư nhân thành lập, tự lo vốn và kinh phí hoạt động, lấy thu bù chi và không hoạt động theo Luật Doanh nghiệp) hoạt động trong lĩnh vực văn hóa, thể thao. Mỗi đơn vị chỉ thực hiện một phiếu này.

4. Phiếu 3T/TĐTKT-TT

Đối tượng áp dụng là các cơ sở sự nghiệp công lập (*do Nhà nước thành lập, kinh phí hoạt động do Ngân sách Nhà nước cấp là chủ yếu*) và ngoài công lập (*do tư nhân thành lập, tự lo vốn và kinh phí hoạt động, lấy thu bù chi và không hoạt động theo Luật Doanh nghiệp*) hoạt động trong lĩnh vực thông tin, truyền thông. Mỗi đơn vị chỉ thực hiện một phiếu này.

5. Phiếu 3S/TĐTKT-SN

Đối tượng thực hiện phiếu này là toàn bộ các đơn vị sự nghiệp còn lại (trừ sự nghiệp Y tế; Giáo dục; Văn hóa, thể thao, Thông tin, truyền thông).

6. Phiếu 3H/TĐTKT-HH

Đối tượng thực hiện phiếu này là toàn bộ các cơ sở hiệp hội, các hội thuộc tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp.

II. GIẢI THÍCH CÁC PHIẾU

A. Câu hỏi chung cho các loại phiếu

Phần đầu của phiếu:

- Trước khi đến cơ sở để phỏng vấn, điều tra viên phải ghi đầy đủ các chi tiêu:

- ✓ Tên tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương;
- ✓ Tên huyện/quận/thị xã/thành phố thuộc tỉnh;
- ✓ Tên xã/phường/thị trấn;

Mã số của tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương, huyện/quận/thị xã/thành phố thuộc tỉnh, xã/phường/thị trấn ghi đúng theo danh mục hành chính qui định trong phương án Tổng điều tra.

1. Tên cơ sở: Ghi tên đầy đủ, chính thức theo quyết định thành lập, hoặc các văn bản pháp quy viết đầy đủ bằng chữ in hoa, có dấu;

2. Địa chỉ của cơ sở: Ghi đầy đủ số nhà, tên đường phố/thôn/xóm/ấp/bản;

3. Số điện thoại giao dịch: Ghi số điện thoại giao dịch của cơ sở;

4. Số fax: Ghi số fax cơ quan thường dùng để giao dịch;

5. Email: Ghi số email của bộ phận giao dịch;

6. Họ và tên người trả lời phiếu: Ghi đầy đủ họ tên người trả lời phiếu điều tra. Điện thoại liên hệ (ghi số điện thoại cố định hoặc di động) của người ghi phiếu.

Mục A. Đặc điểm của cơ sở

A1. Thông tin về người đứng đầu cơ sở:

- Họ và tên: Ghi rõ họ, tên thủ trưởng/người đứng đầu đơn vị (viết bằng chữ in hoa).
- Giới tính: Tích vào ô thích hợp

- Năm sinh: Ghi theo năm dương lịch
- Dân tộc, quốc tịch:
 - + Ghi tên dân tộc theo khai sinh; nếu là người nước ngoài thì chỉ cần ghi “nước ngoài”
 - + Ghi quốc tịch hiện tại; nếu có 2 quốc tịch thì ghi quốc tịch thường dùng.
 - + Mã dân tộc, mã quốc tịch do cán bộ thống kê ghi (mã số theo các Bảng Danh mục dân tộc, Danh mục nước).
- Trình độ chuyên môn được đào tạo: Ghi theo bằng cấp/chứng nhận hiện có, nếu có hai bằng trở lên thì ghi theo bằng cao nhất. Trường hợp đang học, hoặc đã học xong nhưng chưa được nhận bằng và chưa có chứng nhận, thì vẫn phải ghi theo bằng cấp đã có, không được ghi theo bằng chưa được nhận. Trình độ chuyên môn được chia làm 9 loại khác nhau trong đó trình độ khác bao gồm trình độ tốt nghiệp các trường chính trị, đào tạo khác.

A2. Mã số thuế và mã đơn vị sử dụng ngân sách

A2.1 và A2.2. Mã số thuế và mã đơn vị sử dụng ngân sách: Ghi mã số thuế/mã đơn vị sử dụng ngân sách mà đơn vị đang sử dụng vào các ô tương ứng.

A3. Ngành sản phẩm hoạt động chính (theo ngành cấp 7 của VCPA 2018):

- Căn cứ vào chức năng nhiệm vụ, xác định hoạt động chính của đơn vị và ghi mô tả chi tiết về ngành sản phẩm hoạt động đó (theo ngành cấp 7 của VCPA 2018).
- Mã ngành sản phẩm hoạt động được ghi theo mã 7 chữ số của Hệ thống ngành sản phẩm Việt Nam 2018 (VCPA 2018).

A4. Loại đơn vị: Các đơn vị sự nghiệp thuộc một trong các loại đơn vị sau:

1. Đơn vị sự nghiệp ngoài công lập: Là đơn vị do các tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức kinh tế, cá nhân, nhóm cá nhân hoặc cộng đồng dân cư thành lập, đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, tự bảo đảm kinh phí hoạt động bằng vốn ngoài ngân sách nhà nước và hoạt động theo quy định của pháp luật, có tư cách pháp nhân, hạch toán độc lập, có con dấu và tài khoản riêng.

Đơn vị ngoài công lập được thành lập theo quy hoạch, kế hoạch của Nhà nước nhằm phát triển sự nghiệp giáo dục - đào tạo, y tế, văn hoá, thể dục thể thao, khoa học - công nghệ, môi trường, xã hội, dân số, gia đình, bảo vệ chăm sóc trẻ em.

Trường hợp đơn vị sự nghiệp hạch toán theo chế độ kế toán doanh nghiệp sẽ thực hiện phiếu điều tra doanh nghiệp.

2. Đơn vị sự nghiệp công lập: Gồm các đơn vị sự nghiệp do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thành lập, có tư cách pháp nhân, có tài khoản, con dấu riêng, thực hiện chức năng phục vụ quản lý nhà nước hoặc cung cấp sản phẩm dịch vụ công trong các ngành, lĩnh vực theo qui định của pháp luật đối với các đơn vị sự nghiệp nói chung.

Theo Nghị định số 16/2015/ND-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ qui định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập, căn cứ vào loại hình cơ sở đơn vị khoanh vào một trong các loại hình cơ sở sau:

2.1. *Đơn vị tự bảo đảm toàn bộ hoạt động chi thường xuyên và chi đầu tư.*
Trường hợp đơn vị sự nghiệp hạch toán theo chế độ kế toán doanh nghiệp sẽ thực hiện phiếu điều tra doanh nghiệp.

2.2. *Đơn vị tự bảo đảm toàn bộ chi hoạt động thường xuyên;*

2.3. *Đơn vị tự bảo đảm một phần chi hoạt động thường xuyên;*

2.4. *Đơn vị do NSNN đảm bảo toàn bộ chi hoạt động thường xuyên.*

A6. Danh sách cơ sở hạch toán phụ thuộc

1. Người được phỏng vấn trả lời câu hỏi “Trong năm đơn vị có cơ sở hoạt động sản xuất kinh doanh hạch toán phụ thuộc không”?

- Nếu trả lời “không” thì chuyển xuống mục II “Đơn vị sự nghiệp có cơ sở sự nghiệp hạch toán phụ thuộc không”

- Nếu trả lời “có” thì tiếp tục cung cấp thông tin về các cơ sở sản xuất kinh doanh hạch toán phụ thuộc của đơn vị gồm:

+ Tên cơ sở: Ghi rõ tên gọi của các cơ sở theo từng địa điểm hoạt động;

+ Mã số cơ sở: Ghi theo mã số thuế của đơn vị + số thứ tự của cơ sở (từ 01 đến n (ví dụ Mã số thuế của đơn vị là 1234567 và có 2 cơ sở sản xuất kinh doanh trực thuộc, cách ghi mã số cơ sở 1 sẽ là 1234567_01; mã số cơ sở 2 là 1234567_02.

+ Địa chỉ cơ sở: Ghi cụ thể địa chỉ của cơ sở gồm số nhà, đường phố/thôn/xóm, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố;

+ Mã số tỉnh/thành phố, huyện/quận, xã/phường;

+ Số điện thoại: Ghi số điện thoại liên hệ của cơ sở;

+ Địa chỉ email: Ghi email liên hệ của cơ sở;

+ Thông tin về sản phẩm được thực hiện trong kỳ:

Mô tả sản phẩm cụ thể được thực hiện bởi mỗi cơ sở; đánh mã mỗi sản phẩm theo hệ thống phân ngành sản phẩm (VCPA 2018) và số lượng/khối lượng sản phẩm sản xuất trong kỳ.

Chi phí sản xuất kinh doanh gồm toàn bộ các khoản chi phí cho người lao động, chi phí mua hàng hóa và dịch vụ, hao mòn tài sản cố định để tạo ra mỗi sản phẩm vật chất và dịch vụ của mỗi cơ sở.

Số lao động bình quân năm được tính bằng bình quân số lao động của các tháng trong năm để tạo ra mỗi sản phẩm vật chất và dịch vụ của cơ sở.

II. Người được phỏng vấn trả lời câu hỏi “đơn vị có các cơ sở sự nghiệp hạch toán phụ thuộc không”?

- Nếu trả lời “không” thì chuyển xuống mục B
- Nếu trả lời “có” thì tiếp tục cung cấp thông tin về các cơ sở sự nghiệp hạch toán phụ thuộc của đơn vị gồm:

- + Tên cơ sở: Ghi rõ tên gọi của các cơ sở theo từng địa điểm hoạt động;
- + Mã số cơ sở: Ghi theo mã số thuế của đơn vị + số thứ tự của cơ sở (từ 01 đến n (ví dụ Mã số thuế của đơn vị là 1234567 và có 2 cơ sở sản xuất kinh doanh trực thuộc, cách ghi mã số cơ sở 1 sẽ là 1234567_01; mã số cơ sở 2 là 1234567_02.

Lưu ý: Mã số cơ sở đầu tiên ở mục II sẽ đánh mã tiếp nối mã cơ sở cuối cùng trong mục I

- + Địa chỉ cơ sở: Ghi cụ thể địa chỉ của cơ sở gồm số nhà, đường phố/thôn/xóm, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố;
- + Mã số tỉnh/thành phố, huyện/quận, xã/phường;
- + Số điện thoại: Ghi số điện thoại liên hệ của cơ sở;
- + Địa chỉ email: Ghi email liên hệ của cơ sở;
- + Thông tin về sản phẩm được thực hiện trong kỳ:

Mô tả sản phẩm cụ thể được thực hiện bởi mỗi cơ sở; đánh mã sản phẩm theo hệ thống ngành sản phẩm VCPA 2018.

Chi phí hoạt động gồm toàn bộ các khoản chi phí cho người lao động, chi phí mua hàng hóa và dịch vụ, hao mòn tài sản cố định để tạo ra mỗi sản phẩm vật chất và dịch vụ của mỗi cơ sở.

Số lao động bình quân năm được tính bằng bình quân số lao động của các tháng trong năm để tạo ra mỗi sản phẩm vật chất và dịch vụ của cơ sở.

Mục B. Lao động

B1. Lao động bình quân theo tháng: Ghi số lao động bình quân một tháng của toàn bộ đơn vị.

B2. Lao động thời điểm 31/12/2020: Ghi tổng số lao động có mặt tại thời điểm 31/12/2020.

Lưu ý: Đối với một số lao động đến thời điểm điều tra đang nghỉ thai sản, ốm đau hoặc đi làm cho đơn vị khác theo những hợp đồng phụ nhưng vẫn được hưởng lương hoặc một phần lương của đơn vị thì vẫn được tính trong tổng số lao động của đơn vị.

Phân theo loại lao động

Bao gồm 4 loại lao động: (1) Lao động thuộc biên chế hành chính (*là những lao động có mặt trong phạm vi biên chế hành chính được cấp có thẩm quyền giao*); (2) Lao động hợp đồng (*theo Nghị định số 68/2000 /ND-CP*); (3) Lao động hợp đồng dài hạn; (4) Lao động khác (*là những lao động ngắn hạn...*).

Phân theo độ tuổi

Căn cứ vào tuổi của người lao động của cơ sở tại thời điểm 31/12/2020 để phân tổ theo năm nhóm tuổi: từ 16 đến 30 tuổi, từ 31 đến 45 tuổi, từ 46 đến 55 tuổi, từ 56 đến 60 tuổi và trên 60 tuổi.

Phân theo trình độ chuyên môn được đào tạo

Căn cứ vào bằng cấp cao nhất thực tế đã có của người lao động trong cơ sở để phân tổ cho thích hợp.

Mục C. Thu, chi hoạt động của đơn vị năm 2020

C1. Doanh thu: Là toàn bộ số tiền thu được về hoạt động của đơn vị trong năm điều tra bằng tổng các khoản thu: Thu từ hoạt động sự nghiệp; thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh dịch vụ; thu hoạt động tài chính và thu từ hoạt động khác của đơn vị.

1. Doanh thu từ hoạt động sự nghiệp: Phản ánh toàn bộ số kinh phí do ngân sách nhà nước cấp cho cơ sở, bao gồm bao gồm thu từ ngân sách nhà nước, từ nguồn viện trợ, vay nước ngoài và từ các nguồn phí được khấu trừ, để lại.

2. Doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh: Gồm các khoản doanh thu về bán sản phẩm, hàng hóa, ấn chỉ, cung cấp dịch vụ; khoản thu về các đề tài, dự án liên doanh, liên kết với các tổ chức, cá nhân; thu dịch vụ đào tạo; dịch vụ dạy nghề; dịch vụ y tế; dịch vụ văn hóa; dịch vụ thể thao và du lịch; dịch vụ thông tin truyền thông và báo chí; dịch vụ khoa học và công nghệ; dịch vụ sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác; thu cho thuê tài sản (kể cả thu của các cơ quan, tổ chức, đơn vị có tài sản cho sử dụng chung theo quy định của pháp luật); các khoản thu dịch vụ khác theo quy định của pháp luật (như dịch vụ gửi xe, cho thuê kiốt...).

3. Doanh thu từ hoạt động tài chính: Phản ánh các khoản doanh thu của hoạt động tài chính như các khoản lãi; cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản thu tài chính khác phát sinh tại đơn vị hành chính, sự nghiệp.

Các khoản thu phản ánh vào tài khoản này bao gồm:

- Lãi tiền gửi ngân hàng (trừ lãi tiền gửi ngân hàng của các nguồn thu mà theo quy định được bổ sung vào các quỹ đặc thù hoặc Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp);

- Lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu; chiết khấu thanh toán; cổ tức lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư; lãi chuyển nhượng vốn; thu nhập về đầu tư mua bán chứng khoán; lãi chênh lệch tỷ giá, lãi bán ngoại tệ, lãi chuyển nhượng vốn khi thanh lý các khoản góp vốn liên doanh;

- Cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu tài chính khác.

4. Doanh thu hoạt động khác: Là các khoản thu còn lại của đơn vị

C2. Chi phí: Là toàn bộ các khoản chi phí cho hoạt động của đơn vị bao gồm chi hoạt động sự nghiệp; chi hoạt động sản xuất kinh doanh, chi phí tài chính và các khoản chi khác.

I. Chi hoạt động sự nghiệp: Gồm các khoản chi đảm bảo hoạt động thường xuyên theo chức năng nhiệm vụ của đơn vị bao gồm chi thương xuyên và chi đầu tư phát triển.

1. Chi thường xuyên: Gồm các khoản chi đảm bảo hoạt động thường xuyên theo chức năng nhiệm vụ của cơ sở từ tất cả các nguồn thu kể trên. Bao gồm các khoản chi thuộc nhóm 0500 trong mục lục ngân sách nhà nước năm 2016 (MLNSNN), được chi tiết theo năm tiểu nhóm sau:

1.1. Chi thanh toán cho cá nhân: Bao gồm các khoản chi thuộc tiểu nhóm 0129 trong MLNSNN như tiền lương, tiền công, phụ cấp lương, tiền lương, các khoản đóng góp, các khoản thanh toán khác cho cá nhân...

Trong đó tách riêng khoản chi học bổng học sinh, sinh viên là các khoản chi học bổng, hỗ trợ người học theo ngành nghề đào tạo cho học sinh, sinh viên, cán bộ đi học, bao gồm học bổng học sinh trường năng khiếu, học sinh dân tộc nội trú, học sinh các trường phổ thông, đào tạo khác trong nước và các khoản chi khác liên quan đến học bổng... (không bao gồm học phí của cán bộ đi học).

1.2. Chi về hàng hóa dịch vụ: Bao gồm các khoản chi thuộc tiểu nhóm 0130 trong MLNSNN, trong đó tách riêng:

+ Chi sửa chữa lớn TSCĐ: Là các khoản chi mang tính chất khôi phục hoặc nâng cấp, cải tạo khi TSCĐ bị hư hỏng nặng hoặc theo yêu cầu đảm bảo kỹ thuật nhằm nâng cao năng lực sản xuất và hiệu suất hoạt động của tài sản.

+ Chi mua sắm TSCĐ hữu hình: Là các khoản chi mua những tư liệu lao động chủ yếu có hình thái vật chất thoả mãn các tiêu chuẩn của tài sản cố định hữu hình, tham gia vào nhiều chu kỳ hoạt động như ô tô, tài sản và thiết bị chuyên dùng, thiết bị văn phòng ... có giá trị từ 10 triệu trở lên.

+ Chi mua sắm tài sản vô hình: Là các khoản chi mua tài sản là bằng sáng chế, nhãn hiệu thương mại, mua phần mềm công nghệ thông tin, xây dựng phần mềm máy tính.

1.3. Chi hỗ trợ và bổ sung: Bao gồm các khoản chi thuộc tiểu nhóm 0131 trong MLNSNN, trong đó cần tách riêng khoản chi xúc tiến thương mại, du lịch và đầu tư.

1.4. Các khoản chi khác: Bao gồm các khoản chi thuộc tiểu nhóm 0132 trong MLNSNN, trong đó cần tách riêng khoản chi sau:

+ Chi xử lý tài sản được xác lập sở hữu nhà nước (mục 7600):

+ Chi khác (mục 7750): Bao gồm các khoản chi như chi các khoản phí, lệ phí, chi bảo hiểm tài sản và phương tiện, chi tiếp khách... *chú ý không tính các tiểu mục sau*: (1) Tiểu mục 7751 “Chênh lệch tỉ giá ngoại tệ ngân sách nhà nước”, (2) Tiểu mục 7762 “Chi bồi thường thiệt hại cho các đối tượng bị oan do cơ quan tổ tụng gây ra theo chế độ qui định”, (3) Tiểu mục 7763 “Chi bồi thường thiệt hại do công chức, viên chức nhà nước gây ra theo chế độ qui định” và (4) Tiểu mục 7765 “Chi chênh lệch giá bán trái phiếu so với mệnh giá”:

+ Chi cho công tác Đảng ở tổ chức Đảng cơ sở và các cấp trên cơ sở, các đơn vị hành chính, sự nghiệp (Mục 7850);

+ Chi cho các sự kiện lớn (Mục 7900);

+ Chi lập các quỹ của cơ sở (Mục 7950);

+ Chi quy hoạch (Mục 8150).

1.5. Chi trả nợ lãi, phí vay: Bao gồm các khoản chi thuộc tiểu nhóm 0133 trong MLNSNN như chi trả lãi tiền vay trong nước, ngoài nước của ngân sách nhà nước, chi trả các khoản phí và chi phí liên quan đến các khoản vay trong nước, ngoài nước...

2. Chi đầu tư phát triển: Phản ánh số tiền đơn vị chi đầu tư xây dựng cơ bản và một số nhiệm vụ chi đầu tư khác theo quy định của pháp luật.

II. Chi hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ

Bao gồm chi tiền lương, tiền công và các chi phí khác cho nhân viên; chi phí vật tư, công cụ và dịch vụ đã sử dụng; chi phí khấu hao tài sản cố định và các khoản chi phí khác. Các chi tiêu chi phí nêu trên được tổng hợp từ báo cáo kết quả hoạt động của đơn vị theo Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10 tháng 10 năm 2017.

III. Chi phí hoạt động tài chính: Chi tiêu chi phí nêu trên được tổng hợp từ báo cáo kết quả hoạt động của đơn vị theo Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10 tháng 10 năm 2017.

IV. Chi phí hoạt động khác: Chi tiêu chi phí nêu trên được tổng hợp từ báo cáo kết quả hoạt động của đơn vị theo Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10 tháng 10 năm 2017.

C3. Thặng dư/thâm hụt

Là khoản chênh lệch giữa thu và chi của từng hoạt động của đơn vị, được tổng hợp từ báo cáo kết quả hoạt động của đơn vị theo Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10 tháng 10 năm 2017. Nếu thặng dư ghi dấu (+), thâm hụt ghi dấu (-).

D. Tài sản cố định

D1. Nguyên giá TSCĐ: Ghi nguyên giá TSCĐ của đơn vị tại thời điểm đầu năm (01/01/2020) và cuối năm (31/12/2020).

I. Tài sản cố định hữu hình: Ghi nguyên giá TSCĐ hữu hình của đơn vị tại thời điểm đầu năm (01/01/2020) và cuối năm (31/12/2020). Chia ra chi tiết thêm một số khoản mục tài sản cố định hữu hình của đơn vị.

II. Tài sản cố định vô hình: Ghi nguyên giá TSCĐ vô hình của đơn vị tại thời điểm đầu năm (01/01/2020) và cuối năm (31/12/2020). Trong đó, chi tiết thêm một số khoản mục tài sản cố định vô hình của đơn vị.

D2. Khấu hao tài sản cố định trong năm: Là số trích khấu hao tài sản cố định trong năm 2020.

I. Tài sản cố định hữu hình: Ghi giá trị khấu hao trong năm của TSCĐ hữu hình của đơn vị. Trong đó, chia ra chi tiết thêm một số khoản mục tài sản cố định hữu hình của đơn vị.

II. Tài sản cố định vô hình: Ghi giá trị khấu hao trong năm của TSCĐ vô hình của đơn vị. Trong đó, chi tiết thêm một số khoản mục tài sản cố định hữu hình của đơn vị.

D3. Giá trị khấu hao tài sản cố định lũy kế

I. Tài sản cố định hữu hình: Ghi giá trị hao mòn lũy kế của TSCĐ hữu hình của cơ sở tại thời điểm đầu năm (1/1/2020) và cuối năm (31/12/2020). Trong đó, chi tiết thêm một số khoản mục tài sản cố định của đơn vị.

II. Tài sản cố định vô hình: Ghi giá trị hao mòn lũy kế của TSCĐ vô hình của cơ sở tại thời điểm đầu năm (1/1/2020) và cuối năm (31/12/2020). Trong đó, chi tiết thêm một số khoản mục tài sản cố định vô hình của đơn vị.

Mục E. Hoạt động tự tích lũy tài sản cố định trong năm 2020

Hoạt động tự tích lũy tài sản cố định gồm các hoạt động nghiên cứu phát triển, xây dựng cơ sở dữ liệu, phần mềm, các hoạt động tự xây dựng và sửa chữa lớn, kể cả tự chế tạo máy móc và thiết bị được thực hiện bởi các cán bộ, công chức, viên chức trong nội bộ đơn vị, không phải các hoạt động được thực hiện theo các chương trình, dự án nghiên cứu được Nhà nước cấp ngân sách.

Ghi cụ thể tên cơ sở và mã cơ sở thực hiện hoạt động tự tích lũy tài sản cố định trong năm của đơn vị. Mã cơ sở phải thuộc một trong các mã cơ sở đã liệt kê tại phần I và II của mục A6.

Chi phí trả cho người lao động gồm toàn bộ các khoản chi như tiền công, tiền thưởng cho người lao động để thực hiện các hoạt động nói trên.

Chi phí vật chất và dịch vụ gồm tất cả các vật tư, nguyên vật liệu, điện, nước... để phục vụ cho việc thực hiện các hoạt động nêu trên.

Chi phí khấu hao/hao mòn tài sản cố định gồm số trích khấu hao/hao mòn của các tài sản được sử dụng trong quá trình thực hiện các hoạt động trên.

* **Lưu ý:** Trường hợp đơn vị đơn không có cơ sở trực thuộc, có hoạt động tự tích lũy tài sản cố định thì sẽ kê khai các thông tin liên quan của chính đơn vị đó.

Mục F: Hoạt động nghiên cứu và phát triển công nghệ (R&D)

Trong năm 2020 đơn vị có hoạt động nghiên cứu và phát triển công nghệ (R&D) không?

Đề nghị trả lời 1 (Có) hoặc 2 (Không) vào các ô thích hợp. Nếu trả lời là “Không”, kết thúc mục này và chuyển sang trả lời mục G tiếp theo.

F2. Số lao động của đơn vị trực tiếp tham gia hoạt động nghiên cứu và phát triển (R&D) có đến 31/12/2020

Là những lao động do doanh nghiệp quản lý, sử dụng và trả lương, có trách nhiệm chuyên trách nghiên cứu khoa học, nghiên cứu và phát triển công nghệ, dịch vụ khoa học và công nghệ, phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất và các hoạt động khác nhằm phát triển khoa học công nghệ. Trong đó, tách riêng số lao động nữ tham gia hoạt động nghiên cứu và phát triển.

Tổng số lao động tham gia nghiên cứu và phát triển được chia theo 3 nhóm: (1) Cán bộ nghiên cứu, kỹ sư; (2) Cán bộ kỹ thuật và (3) Cán bộ hỗ trợ.

Cột 1: Ghi tổng số cán bộ trực tiếp hoạt động nghiên cứu và phát triển công nghệ của doanh nghiệp có đến 31/12/ 2020.

Cột 2, 3, 4, 5, 6: Ghi cán bộ trực tiếp hoạt động nghiên cứu và phát triển công nghệ đạt các loại trình độ tiến sĩ, thạc sĩ, đại học, cao đẳng và trình độ khác.

F2. Hoạt động nghiên cứu và phát triển của đơn vị trong năm 2020

Cột A: Gồm nội dung hoạt động và sản phẩm hoạt động nghiên cứu và phát triển công nghệ: Số đề tài nghiên cứu, phát minh, sáng chế mà doanh nghiệp đang triển khai thực hiện hoặc đã hoàn thành hoặc đã được ứng dụng vào thực tế; Số sáng chế được cấp bằng bảo hộ và Số tiền chi cho hoạt động nghiên cứu và phát triển của đơn vị trong năm 2020.

Cột 1: Ghi tổng số đề tài, phát minh, sáng chế và tổng chi cho hoạt động nghiên cứu và phát triển trong năm 2020 theo các dòng tương ứng ở cột A.

Cột 2, 3, 4, 5: Ghi số đề tài, phát minh, sáng chế và số tiền chi cho hoạt động nghiên cứu và phát triển của đơn vị trong năm 2020 theo các cấp: Nhà nước, Bộ, cơ sở và khác (Cột 1=2+3+4+5).

Mục G. Sử dụng máy tính và Internet

G1. Đơn vị có sử dụng máy vi tính phục vụ cho công việc không (bao gồm máy tính để bàn, máy xách tay, máy tính bảng)?

- Nếu “Có” thì trả lời các nội dung tiếp theo;
- Nếu “Không” thì chuyển câu G3.

G2. Tỷ lệ lao động thường xuyên sử dụng máy vi tính cho công việc: Được tính bằng cách lấy tổng số lao động của cơ sở thường xuyên sử dụng máy tính cho công việc của cơ sở chia cho tổng số lao động hiện có của cơ sở.

G3. Kết nối mạng Internet và mạng máy tính khác: Kết nối mạng Internet là kết nối với mạng máy tính toàn cầu Internet. Mạng máy tính khác là các mạng kết nối nội bộ như mạng WAN, mạng LAN... Nếu Có thì trả lời các nội dung tiếp theo, nếu Không có thì chuyển câu G5.

G4. Tỷ lệ lao động thường xuyên sử dụng Internet hoặc mạng máy tính cho công việc: Được tính bằng cách lấy tổng số người lao động sử dụng Internet hoặc mạng máy tính ít nhất 1 lần/1 tuần chia cho tổng số lao động hiện có của cơ sở.

G5. Cổng thông tin/trang thông tin điện tử riêng:

Cổng thông tin điện tử là điểm truy cập duy nhất của cơ quan trên môi trường mạng, liên kết, tích hợp các kênh thông tin, các dịch vụ và các ứng dụng mà qua đó người dùng có thể khai thác, sử dụng và cá nhân hóa việc hiển thị thông tin.

Trang tin thông điện tử: Là trang thông tin hoặc một tập hợp thông tin trên môi trường mạng phục vụ cho việc cung cấp, trao đổi thông tin.

Đề nghị trả lời 1 (có) hoặc 2 (Không) vào các ô thích hợp. Nếu trả lời là “có”, đề nghị ghi địa chỉ truy cập của cơ sở.

G6. Cơ sở có sử dụng internet và mạng máy tính khác để thực hiện các công việc sau không: Đề nghị lựa chọn một hoặc nhiều mục đích sử dụng thích hợp.

B. Câu hỏi riêng cho các loại phiếu

Đối với các phiếu thu thập thông tin về các đơn vị sự nghiệp

❖ *Phiếu 3Y/TĐTKT-YT; 3G/TĐTKT-GD; 3V/TĐTKT-VH; 3T/TĐTKT-TT*

A5. Loại hình tổ chức

Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của cơ sở để khoanh tròn vào một loại hình thích hợp.

Riêng đối với phiếu 3G/TĐTKT-GD: Nếu là trường học phổ thông chỉ có 1 cấp học phổ thông duy nhất: Khoanh vào mã 4, đồng thời 1 trong những cấp học tương ứng (VD: 2- Trung học cơ sở). Nếu là trường học phổ thông có nhiều cấp học đồng thời, khoanh vào mã 5, đồng thời khoanh các mã cấp học mà trường đó có (VD: 2- Trung học cơ sở và 3- Trung học phổ thông).

❖ **Phiếu 3Y/TĐTKT-YT**

Mục II. Hoạt động khám chữa bệnh

H1. Số khoa, phòng khám bệnh, phòng bệnh, giường bệnh của cơ sở có tại 31/12/2020

Căn cứ vào số liệu thực tế về số khoa, phòng khám bệnh, phòng chữa bệnh, số giường bệnh tại cơ sở để ghi vào các mục trong phiếu điều tra.

Nếu cơ sở nhỏ không có sự phân chia thành phòng ban, quy ước ghi số 1 vào ô của mục 1. Số phòng ban/chức năng.

H2. Số lượt người được khám, chữa bệnh trong năm 2020

Căn cứ vào kết quả số lượt người được khám, chữa bệnh và điều trị tại cơ sở trong năm 2020 để ghi vào các mục tương ứng cho phù hợp.

1. Số lượt người được khám bệnh: ghi tổng số lượt người được khám bệnh (kể cả những trường hợp chỉ xét nghiệm hoặc chuẩn đoán hình ảnh...) trong năm cũng được coi là một lượt khám bệnh.

2. Số lượt bệnh nhân được nằm điều trị nội trú: Ghi tổng số lượt bệnh nhân được nằm điều trị nội trú trong năm.

❖ **Phiếu 3G/TĐTKT-GD**

Mục H. Hoạt động đào tạo

H1. Số phòng học của đơn vị tại thời điểm 31/12/2020

1. Số phòng học thực tế: Là số phòng học được xây dựng và đã đưa vào sử dụng tại thời điểm 31/12/2020.

2. Số phòng học theo kế hoạch: Là số phòng học theo nhu cầu kế hoạch đào tạo của cơ sở để đảm bảo diện tích bình quân sử dụng/học sinh, sinh viên, học viên tại thời điểm 31/12/2020.

3. Số phòng thư viện: Là số phòng thư viện đã đưa vào sử dụng tại thời điểm 31/12/2020.

4. Số phòng chức năng: Là số phòng chức năng như phòng dạy thể thao, âm nhạc, phòng thí nghiệm... đã đưa vào sử dụng tại thời điểm 31/12/2020.

H2. Số học viên, sinh viên, học sinh

1. Số học viên đang được đào tạo tiến sỹ: Là số học viên có trong danh sách đang được đào tạo tiến sỹ của cơ sở tại thời điểm 31/12/2020.

2. Số học viên đang được đào tạo thạc sỹ: Là số học viên có trong danh sách đang được đào tạo thạc sỹ của cơ sở tại thời điểm 31/12/2020.

3. *Số sinh viên đang được đào tạo*: Là số sinh viên có trong danh sách đang được đào tạo đại học, cao đẳng của cơ sở giáo dục và đào tạo đại học, học viện và cao đẳng tại thời điểm 31/12/2020.

4. *Số học sinh đang theo học*: Là số học sinh có trong danh sách đang theo học của các cơ sở đào tạo trung cấp, các cấp học phổ thông, cơ sở mẫu giáo, nhà trẻ,... tại thời điểm 31/12/2020.

5. *Số lượt người được đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn trong năm 2020*: Là số lượt người tham gia học tập, đào tạo và bồi dưỡng ngắn hạn tại các trung tâm giáo dục và đào tạo trong năm 2020.

❖ **Phiếu 3S/TĐTKT-SN**

A5. Đơn vị hoạt động trong lĩnh vực nào sau đây: Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của đơn vị để khoanh tròn vào một trong các lĩnh vực hoạt động của đơn vị:

1. Nông, lâm nghiệp và thủy sản
2. Khai khoáng
3. Công nghiệp chế biến, chế tạo
4. Sản xuất và phân phối điện, hơi nước và nước nóng
5. Cung cấp nước, xử lý rác thải, nước thải
6. Xây dựng
7. Bán buôn, bán lẻ, sửa chữa ô tô mô tô xe máy, xe có động cơ
8. Vận tải kho bãi
9. Dịch vụ lưu trú và ăn uống
10. Tài chính, ngân hàng và bảo hiểm
11. Kinh doanh bất động sản
12. Hoạt động chuyên môn khoa học và công nghệ
13. Hành chính và dịch vụ hỗ trợ
14. Dịch vụ khác

Phiếu 3H/TĐTKT-HH

A3. Loại hình tổ chức: Các cơ sở thuộc một trong các loại cơ sở sau:

1. Cơ sở thuộc tổ chức xã hội: Gồm các đơn vị của các hiệp hội khác ngoài các tổ chức xã hội - nghề nghiệp như: hội người cao tuổi, hội bảo trợ người tàn tật và trẻ mồ côi, hội khuyến học, hội người mù....

2. Cơ sở thuộc tổ chức xã hội - nghề nghiệp: Gồm các cơ sở là các Hội như hội liên hiệp văn học nghệ thuật, hội nhà văn, hội điện ảnh, hội mỹ thuật, hội sân khấu, hội nhà báo, hội luật gia, hội đông y, hội văn học nghệ thuật các dân tộc thiểu số, tổng hội y học, hội kiến trúc sư, hội khoa học kỹ thuật nhiệt, hội điện lực, hội nhạc sỹ, liên hiệp các hội khoa học kỹ thuật, hội nghệ sỹ nhiếp ảnh, hội văn nghệ dân gian, hội nghệ sỹ múa,...